TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KRÔNG ANA** **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **06**/2019/HNGĐ-ST
Ngày 03 - 5 - 2019
"V/v: Ly hôn giữa anh T và chị Y"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG ANA, TỈNH ĐẮK LẮK

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà:* Ông Phạm Văn Đoàn.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Thế Chiến;

2. Bà Bùi Thị Thiềm.

Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Phương Dung – Thư ký Toà án nhân dân huyện Krông Ana, tỉnh Đắk Lắk.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Ana tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nhất – Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện K xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 199/2018/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 12 năm 2018 về "Tranh chấp hôn nhân và gia đình" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 3 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1979; Địa chỉ: Xóm 10, thôn Q, thị trấn B, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. (Có mặt).

2. Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Hoàng Y, sinh năm 1980; Địa chỉ: Địa chỉ: Xóm 10, thôn Q, thị trấn B, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện ngày 27/4/2018, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà nguyên đơn anh Nguyễn Văn T trình bày như sau:*

Về quan hệ hôn nhân: Anh T và chị Nguyễn Thị Hoàng Y tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 16/6/1999 tại UBND phường N, thành phố T, tỉnh Đắk Lắk. Sau khi kết hôn, vợ chồng về sống tại thôn Q, thị trấn B, huyện K, tỉnh Đắk Lắk và chung sống hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã. Hiện anh T và chị

Y đã sống ly thân từ đầu năm 2018 cho đến nay. Anh T xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục duy trì mối quan hệ hôn nhân với chị Y nên yêu cầu Toà án giải quyết cho anh T được ly hôn với chị Y.

Về con chung: Có 02 con chung là Nguyễn Tuấn A, sinh năm 2000 và Nguyễn Xuân D, sinh ngày 13/4/2005. Hiện cháu A đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh T hiện làm công nhân cho Công ty ở tỉnh Bình Dương thu nhập trung bình 8.000.000 đồng/tháng. Anh T có nguyện vọng được nuôi dưỡng cháu D và không yêu cầu chị Y phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại bản tự khai ngày 08/01/2019 bị đơn chị Nguyễn Thị Hoàng Y trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân, mâu thuẫn vợ chồng và con chung đúng như anh T trình bày, nay anh T làm đơn xin ly hôn, chị Y đồng ý vì chị Y cũng không còn tình cảm với anh T nữa.

Về con chung: Chị Y đồng ý giao cháu Nguyễn Xuân D cho anh T nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con và tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:*

Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán cũng như tại phiên tòa Hội đồng xét xử (HĐXX) đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của các đương sự: Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Bị đơn không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 144, Điều 147, Điều 220, khoản 2 Điều 227 và Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Nguyễn Văn T.

- Về hôn nhân: Anh T được ly hôn với chị Nguyễn Thị Hoàng Y.

- Về nuôi con: Cháu Nguyễn Tuấn A, sinh năm 2000 đã trưởng thành nên không đặt ra để giải quyết. Giao cháu Nguyễn Xuân D, sinh ngày 13/4/2005 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Chị Nguyễn Thị Hoàng Y là bị đơn vắng mặt tại phiên tòa; Tòa án đã tiến hành tống đạt và niêm yết công khai các văn bản tố tụng, nhưng chị Y đều vắng mặt. Sau khi Tòa án ra quyết định xét xử chị Y đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự. Toà án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2]. Về hôn nhân: Anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị Hoàng Y có đăng ký kết hôn ngày 16/6/1999 tại UBND phường N, thành phố T, tỉnh Đắk Lắk là tự nguyện, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận. Xét về tình trạng hôn nhân của anh T và chị Y qua lời trình bày của đương sự cũng như xác minh tại chính quyền địa phương cho thấy vợ chồng sống không hạnh phúc. Nguyên nhân chủ yếu là do bất đồng quan điểm sống nên vợ chồng thường xuyên cãi vã, không khắc phục được dẫn đến ly thân từ năm 2017 đến nay. Tại phiên tòa anh T xác định không còn tình cảm với chị Y nên anh T yêu cầu ly hôn với chị Y, trong quá trình giải quyết vụ án chị Y cũng đồng ý ly hôn với anh T.

Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, cuộc sống chung vợ chồng không thể kéo dài và mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh T.

[3]. Về con chung: Anh T và chị Y có 02 con chung là Nguyễn Tuấn A, sinh năm 2000 và Nguyễn Xuân D, sinh ngày 13/4/2005, cháu A đã trưởng thành nên không đặt ra giải quyết. Anh T có nguyện vọng được nuôi dưỡng cháu D. Chị T cũng đồng ý giao cháu D cho anh T nuôi dưỡng. Xét về quyền lợi mọi mặt của con, cũng như nghĩa vụ của cha mẹ đối với con chưa thành niên, xét thấy anh T có nghề nghiệp và thu nhập ổn định. Căn cứ vào Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử giao con chung Nguyễn Xuân D cho anh Nguyễn Văn T được trực tiếp nuôi dưỡng.

[4]. Về cấp dưỡng nuôi con và tài sản chung: Tòa án đã giải thích về quyền này nhưng các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con và tài sản chung chưa đặt ra giải quyết trong cùng vụ án này.

[5]. Về án phí: Nguyên đơn anh Nguyễn Văn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 144, Điều 147, Điều 220, khoản 2 Điều 227 và Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 56, Điều

81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình và Nghị quyết số: 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội "Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án về mức thu án phí, lệ phí Tòa án".

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Nguyễn Văn T.

1. Về hôn nhân: Anh Nguyễn Văn T được ly hôn với chị Nguyễn Thị Hoàng Y.

2. Về con chung: Giao con chung Nguyễn Xuân D, sinh ngày 13/4/2005 cho anh Nguyễn Văn T được trực tiếp nuôi dưỡng.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Anh Nguyễn Văn T phải chịu 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn được khấu trừ 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* mà anh T đã nộp tạm ứng theo biên lai thu tiền số: 0009225, ngày 13/12/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Đăk Lăk.

4. Thông báo quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- P. Kiểm tra - TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện K;
- Chi cục THADS huyện K;
- UBND phường N, TP T, tỉnh Đăk Lăk;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Phạm Văn Đoàn